

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.imeco.com.vn

2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

IME

IME

E

CTCP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình hoạt động đầu tư
Tình hình tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng giám đốc về ý kiến loại trừ của kiểm toán

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

Những thay đổi về mặt nhân sự trong HĐQT, BKS và BTGD

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Giao dịch, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BTGD

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

TẦM NHÌN

*Trở thành đơn vị Cơ khí mạnh tại Việt Nam
Nâng cao uy tín trên thị trường thế giới.
Đưa thương hiệu sản phẩm IMECO đến với mọi công trình.*





SỨ MỆNH

*Mang lại cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất theo phương châm
"IMECO vì lợi ích khách hàng cùng phát triển".*



THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Website: www.imecovn.com.vn

Địa chỉ: 929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-8) 37 17 3554

Fax: (84-8) 37 17 3454





Mã cổ phiếu: IME

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: **0300628797** do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 13/04/2012

Vốn điều lệ: **35.999.480.000** đồng

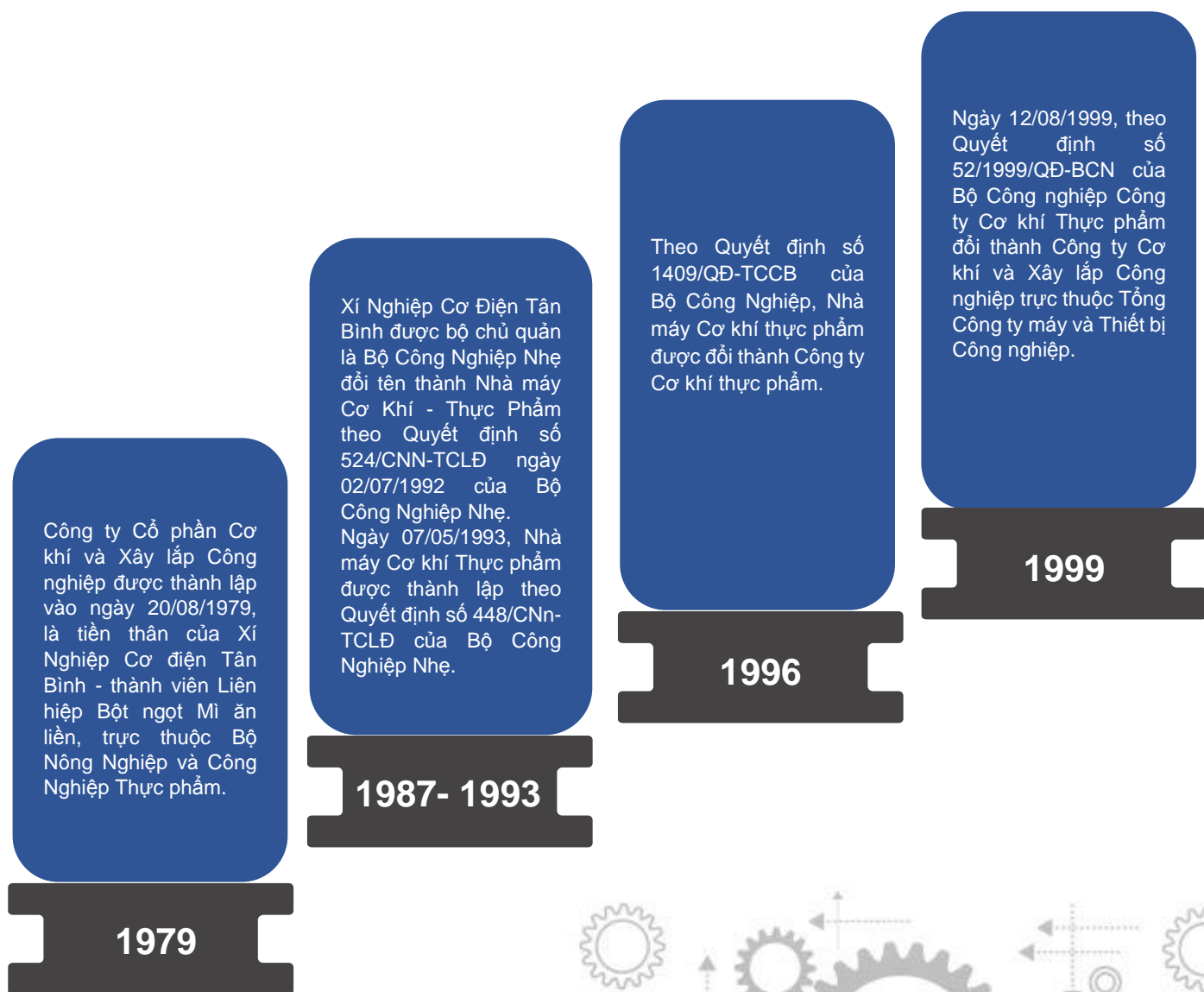
Vốn chủ sở hữu: **35.999.480.000** đồng

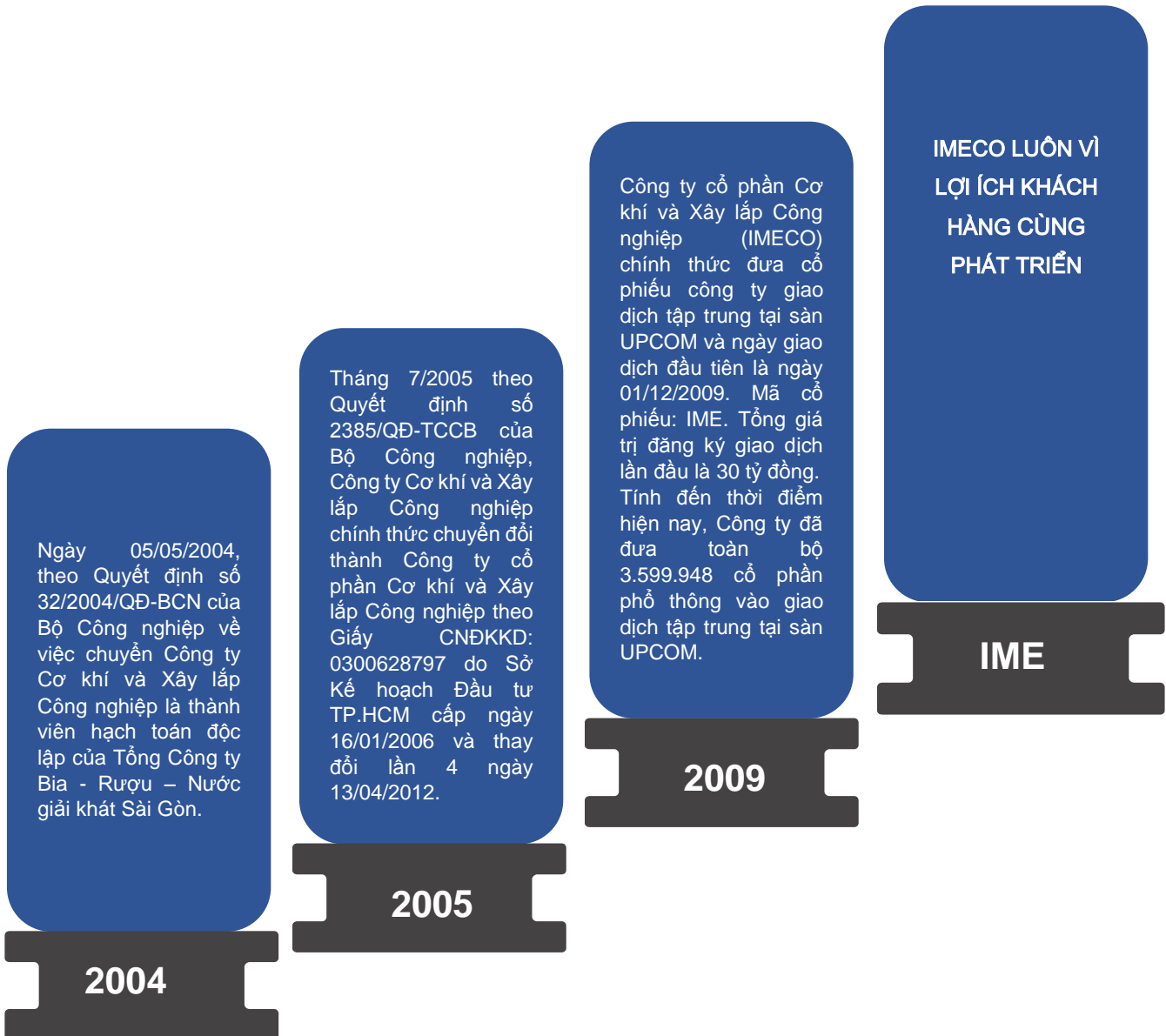




Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) là một trong những công ty tiêu biểu trong ngành cơ khí của Việt Nam. IMECO khởi nghiệp từ Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình chuyên chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị, gia công cơ khí phục vụ cho Ngành Bột ngọt Mì ăn liền vào ngày 20/08/1979. Sau đây là những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của IMECO





Sau hơn 27 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần vào tháng 7/2005. Đến nay, trải qua chặng đường hơn 10 năm sau chuyển đổi, IMECO đã và đang khẳng định vị thế, uy tín của mình trong ngành cơ khí nói chung cũng như trong niềm tin từ phía đối tác, cổ đông của mình nói riêng.



LỄ KỶ NIỆM 35 NĂM THÀNH LẬP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20/08/2014



LỄ KỶ NIỆM 35 NĂM THÀNH LẬP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20/08/2014

The 35th
Anniversary



Trong quá trình phát triển từ khi cổ phần hoá đến nay với những thành tích đạt được, IMECO đã vinh dự nhận được các phần thưởng:

- Huân chương lao động hạng II do nhà nước trao tặng năm 2009;
- Bằng khen của Bộ Công Thương trao tặng các năm 2006, 2008, 2009;
- Bằng khen của UBND thành phố HCM năm 2007;
- Cờ thi đua của Chính phủ trao tặng năm 2008;
- Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liền từ năm 2006 – 2010;
- Bằng khen của Công đoàn TP.HCM năm 2006, 2009;
- Bằng khen của Công đoàn Bộ Công Thương năm 2008;
- Cờ thi đua của Công đoàn Bộ Công Thương năm 2007, 2010;
- IMECO được cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QC 100 TQM” của tổ chức BID tại Geneva Thụy Sĩ năm 2009;
- Cúp thương hiệu mạnh do Bộ Công Thương trao tặng năm 2010;
- Bằng khen của Bộ Công thương năm 2010
- Cờ thi đua của Bộ Công thương trao tặng năm 2011;
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2012;
- Bằng khen của Bộ Công thương năm 2012;
- Bằng khen của Bộ Công thương năm 2013;
- Huân chương Lao động hạng nhất năm 2014;
- Bằng khen của UBND TP.HCM năm 2014.





Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- ④ Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- ④ Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- ④ Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV;
- ④ Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện);
- ④ Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- ④ Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- ④ Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước;
- ④ Xử lý nước thải;
- ④ Kinh doanh bất động sản.



CHẾ TẠO CƠ KHÍ LÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY

Địa bàn kinh doanh

IMECO có địa bàn hoạt động kinh doanh trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nhưng hoạt động mạnh mẽ trên địa bàn các tỉnh phía Nam, và là đối tác của rất nhiều những doanh nghiệp thuộc khu vực Châu Á, Châu Âu.

Các sản phẩm của IMECO chủ yếu được xuất ra thị trường các nước Châu Á và Châu Âu và chiếm tỷ trọng trên 75% doanh thu của công ty.

Với mục tiêu phát triển toàn diện, IMECO đang nỗ lực để giới thiệu và cung cấp những sản phẩm của mình đến với khách hàng không chỉ ở miền Nam mà cả những tỉnh thành khác trong phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam và đẩy mạnh xuất khẩu ra các khu vực khác trên Thế giới



Mô hình quản trị, bộ máy quản lý

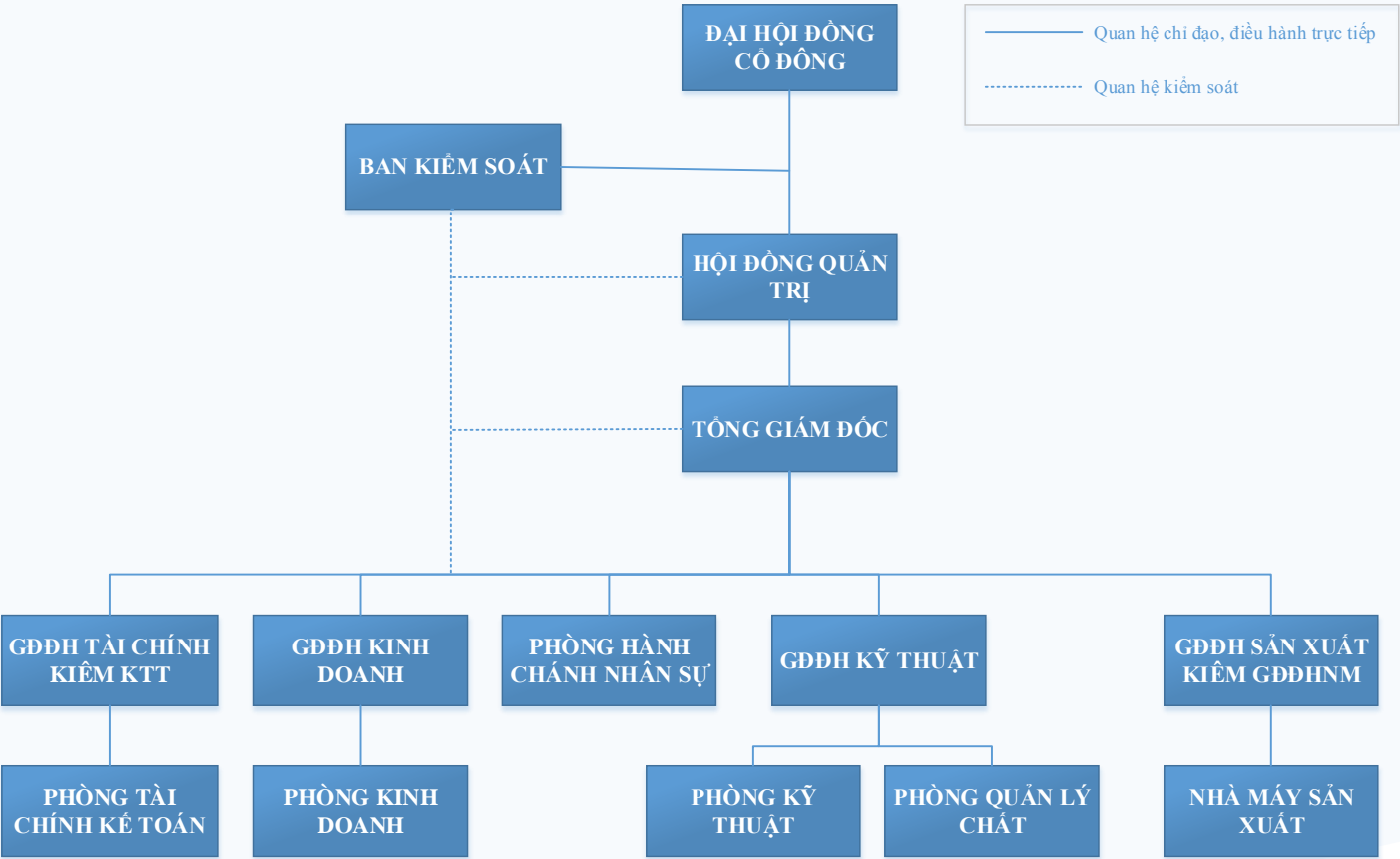
Mô hình quản trị

IMECO được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- Ban kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS)
- Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và Giám đốc nhà máy;



Bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết

Không có





Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Về thị trường

Trong quá trình kinh tế hội nhập hiện nay, việc khẳng định thương hiệu là cần thiết với mỗi doanh nghiệp; chính vì vậy IMECO đang đẩy mạnh việc xây dựng và khẳng định thương hiệu những sản phẩm của mình. Song song đó, IMECO cũng củng cố và hoàn thiện những chiến lược kinh doanh nhằm giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu các mặt hàng kết cấu thép, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc đi các nước Châu Âu, Châu Á... đảm bảo tỷ trọng hàng xuất khẩu tối thiểu đạt mức 75%/ tổng doanh thu.



Về sản xuất

IMECO tiếp tục đầu tư và tập trung huy động mọi nguồn lực để xây dựng một hệ thống sản xuất hàng cơ khí hoàn thiện, nâng cao hiệu quả sản xuất, đặc biệt chú trọng về chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

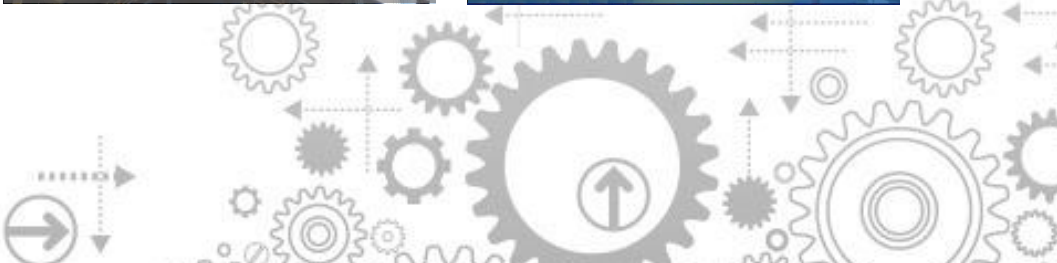
Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn như hiện nay, IMECO quyết tâm thực hiện triệt để tiết kiệm và sản xuất an toàn để đảm bảo mục tiêu trong năm 2014 và những năm tiếp theo sản lượng sản xuất sẽ tăng trưởng và ổn định ở mức 4500 tấn/năm.



Về doanh thu và lợi nhuận

IMECO phấn đấu duy trì mức tăng trưởng ổn định từ 5% - 10%/ năm và sẽ duy trì mức tăng trưởng này ổn định trong những năm sau nhằm đảm bảo việc kinh doanh hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông cũng như những quyền lợi, điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển cơ khí của Bộ Công thương đề ra, IMECO đã đầu tư vào chiều sâu và mở rộng năng lực sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm. Mặt hàng cơ khí luôn chiếm tỷ trọng trên 90%, là mặt hàng chủ lực của công ty, không những đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn mở rộng xuất khẩu ra các nước trong khu vực.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Trong những năm qua, kinh tế Thế giới biến động khá phức tạp, có nhiều cơ hội nhưng cũng không ít khó khăn. Sau khi gia nhập tổ chức thương mại Thế giới WTO nên cơ khí Việt Nam nói chung và IMECO nói riêng có nhiều cơ hội để xuất khẩu sản phẩm ra thế giới. Nắm bắt được cơ hội này, IMECO đã chủ động nghiên cứu các yêu cầu của sản phẩm theo các tiêu chuẩn tiên tiến của Thế giới, để hướng đầu tư nguồn lực và đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

Qua từng năm, đội ngũ cán bộ và năng lực quản lý của IMECO đã lớn mạnh không ngừng, chính vì vậy từ chỗ ban đầu công ty chỉ là đối tác của một khách hàng chính là Promecon - Đan Mạch, nhưng cho đến nay IMECO đã là đối tác tin cậy của rất nhiều khách hàng nhập khẩu sản phẩm cơ khí, góp phần vào sự tăng trưởng của công ty, tạo ra công ăn việc làm cho trên 400 lao động, mặc dù đã và đang trải qua những thời kỳ vô cùng khó khăn do khủng hoảng kinh tế, tài chính trên toàn Thế giới. IMECO đã chọn một hướng đi đúng đắn, đầu tư kịp thời, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, tạo ra được sự khác biệt so với các doanh nghiệp cơ khí khác, nên đã không những đứng vững mà còn tạo ra được những thành tích rất đáng khích lệ trong thời gian qua.

Vì vậy, định hướng chiến lược thời gian tới vẫn phải kế thừa và phát huy những năng lực hiện có và đồng thời phải hướng đầu tư để phát triển những cơ hội tiềm năng.



📌 Thị trường tiêu thụ

Trong những năm qua, ngoài những khách hàng thường xuyên ở trong nước hoặc tổng thầu nước ngoài, đặt hàng theo nhu cầu đầu tư, sửa chữa hàng năm như: Sabeco, Tico, Holvierka, Ajinomoto, Baconco, Nupak, Nhiệt điện Phú Mỹ... IMECO đã trở thành đối tác tin cậy của nhiều tập đoàn, công ty lớn trên Thế giới, thường xuyên đặt hàng sản phẩm cơ khí xuất khẩu. Các sản phẩm xuất khẩu đã có tính công nghệ và lặp đi lặp lại thường xuyên. Chính vì vậy, IMECO đã trở thành một khâu quan trọng trong chuỗi giá trị của dây chuyền thiết bị và công nghệ. Nhu cầu hàng năm của những khách hàng trên là rất lớn, nhưng hiện nay IMECO mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ, vì hạn chế nguồn lực và thiếu nguồn cung cấp thép tại chỗ.

📌 Đầu tư

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng cũng như đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và tạo ra sự đột phá, IMECO cần phải đầu tư nâng cấp về chiều rộng và chiều sâu để tập trung vào các mục tiêu chính sau đây:

- ✓ Xây dựng nhà máy cơ khí khả năng chế tạo thiết bị công nghiệp phụ trợ và kết cấu thép công suất đến 12.000 T/năm;
- ✓ Chế tạo trọn gói hệ thống cung cấp và xả khí trọn gói cho các nhà máy nhiệt điện công suất đến 1.500 MW;
- ✓ Chế tạo trọn gói chân tháp phong điện và các thiết bị phụ trợ;
- ✓ Chế tạo trọn gói cấu kiện công trình có trọng lượng đến 2.000 T/cấu kiện;
- ✓ Chế tạo trọn gói nhà máy bột giấy công suất 500.000 T/năm.



BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- ✓ Giai đoạn 2015-2020, IMECO cần đầu tư chiều sâu về năng lực sản xuất và nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm cơ khí có hàm lượng kỹ thuật, chất lượng cao và hiệu quả nhất; trang bị thêm máy chuyên dùng có trình độ tự động, bán tự động; bổ sung thêm cầu trục, cổng trục và xe nâng, tăng thêm tiềm lực cơ giới hóa.
- Đầu tư vào nguồn nhân lực, trẻ hoá đội ngũ lao động, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp cho kỹ sư và công nhân; chăm lo sức khoẻ, điều kiện làm việc, ăn ở, thu nhập ngày càng cao cho CBCNV bảo đảm sự ổn định lâu dài về lao động.
- Tăng cường đào tạo lực lượng thiết kế, đào tạo hệ thống quản lý chất lượng, đào tạo tay nghề cho công nhân để đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng đạt chất lượng xuất khẩu sang Châu Âu (CE); đào tạo huấn luyện gia công chế tạo theo Tiêu chuẩn ASME (USA) để xuất khẩu thiết bị áp lực. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO theo phiên bản mới nhất; Quản lý công nghệ hàn theo tiêu chuẩn ISO-EN-3834. Đánh giá đúng nhu cầu thị trường và lựa chọn các sản phẩm cơ khí có lợi để phát triển.
- Hợp tác liên kết với các đơn vị thiết kế, cung cấp nguyên liệu, phôi phẩm, bán thành phẩm, chế tạo thiết bị, xây lắp thành tổ hợp để trở thành nhà thầu hoặc tổng thầu có năng lực, đủ sức tham gia các dự án lớn về công nghiệp của chương trình đầu tư của nhà nước. Phải thực sự coi liên kết để tồn tại và phát triển. Tiếp tục quan hệ tìm thêm các đối tác nước ngoài nhằm liên kết trong SXKD để trở thành một mắt xích trong cung ứng toàn cầu. Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, kỹ thuật công nghệ cao hoặc cung ứng vật tư hàng hoá quan trọng cũng như tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Tổ chức bộ máy điều hành hợp lý và hiệu quả. Xây dựng hệ thống mô tả công việc cụ thể nhất có thể cho từng công việc, gắn liền quyền lợi và trách nhiệm với nhiệm vụ của từng cá nhân để đảm bảo hiệu quả thực hiện kế hoạch của cả Công ty đạt mức tối đa.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

🌱 Các mục tiêu với môi trường

- ✓ Luôn đảm bảo thực hiện chế độ lấy mẫu đánh giá tác động môi trường thường xuyên dưới sự giám sát của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức.
- ✓ Thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định.
- ✓ Tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

👤 Các mục tiêu với xã hội

Thực hiện đúng những quy định về việc đảm bảo chế độ chính sách đối với Cán bộ công nhân viên theo quy định tại Luật lao động. Đảm bảo cho người lao động có một môi trường làm việc thân thiện, an toàn. Nâng cao mức sống cho người lao động thông qua những chế độ phúc lợi và trợ cấp kèm theo hàng năm.





CÁC RỦI RO

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất chủ yếu có nguy cơ đối với các khoản vay của Công ty và thu nhập từ tiền gửi ngắn hạn.

Tính đến hết năm 2014, Công ty không có khoản vay từ tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi ngân hàng hơn 10 tỷ đồng.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Trong những năm gần đây, rất nhiều văn bản pháp luật đã thay đổi nhằm đáp ứng sự thay đổi tất yếu và sự hội nhập sâu rộng đang diễn ra như Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Luật chứng khoán ... Mỗi một sự thay đổi đều hàm chứa cơ hội và thách thức và Luật pháp cũng không là một ngoại lệ. Rủi ro được quản trị như sau:

- ✓ Cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực hoạt động và pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của Công ty.
- ✓ Hợp tác với đơn vị tư vấn doanh nghiệp, đảm bảo các thông tin đến với cổ đông, cơ quan quản lý đúng quy định.
- ✓ Tham gia các buổi tập huấn của cơ quan ban ngành, đơn vị tư vấn.
- ✓ Ban hành quy chế hướng dẫn thực hiện các vấn đề trọng tâm như tài chính, đầu tư tài sản, công bố thông tin, v.v... để hoạt động Công ty tuân thủ quy định.

Rủi ro ngoại tệ

Hiện nay xuất khẩu chiếm hơn 80% trong tổng doanh thu do đó sự biến động tỷ giá ngoại tệ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro này bằng cách xem xét thị trường ngoại tệ hiện hành, chính sách điều hành tỷ giá của nhà chức trách và đánh giá thị trường tương lai, từ đó đưa ra kế hoạch cho các giao dịch tương lai.

Rủi ro nguồn nhân lực

Do đặc điểm hoạt động trong ngành sản xuất cơ khí mà vấn đề nhân sự của Công ty luôn được chú trọng. Nếu trình độ tay nghề của đội ngũ kỹ sư, công nhân viên không đáp ứng được yêu cầu sẽ không thể ký kết và thực hiện các hợp đồng với đối tác nước ngoài. Từng đơn hàng lại có những yêu cầu riêng về mặt kỹ thuật và các chứng chỉ mà đội ngũ thực thi phải có. Do đó, sự thiếu hụt nhân sự hoặc không đáp ứng được các yêu cầu trên đều có ảnh hưởng đến việc đàm phán hợp đồng của Công ty.

Ngoài ra sự luân chuyển công việc của bộ phận công nhân sản xuất cũng là vấn đề gây rủi ro lớn cho công ty trong quá trình sản xuất. Để giảm thiểu rủi ro về nhân, Công ty thực hiện:

- ✓ Chú trọng đào tạo cho CBCNV theo các tiêu chuẩn Quốc tế hoặc tiêu chuẩn do những đối tác đưa ra, đón đầu các xu hướng mới tạo ưu thế cạnh tranh.
- ✓ Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp tạo sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM





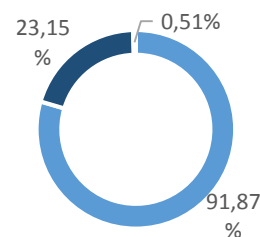


Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	KH 2014	TH 2014	So sánh %	
					TH/KH 2014	TH 2014/2013
Giá trị TSL (Giá CĐ 1994)	Triệu đồng	105.900	98.541	99.206	100,67	93,68
Tổng doanh thu	Triệu đồng	173.785	178.853	150.425	84,11	86,56
- Doanh thu xuất khẩu	Triệu đồng	138.191	141.728	126.754	89,43	91,72
- Doanh thu nội địa	Triệu đồng	34.824	36.625	23.412	63,93	67,23
- Doanh thu HĐTC	Triệu đồng	770	500	259	51,80	33,64
Sản lượng sản xuất	Tấn	4.400	4.480	3.425	76,45	77,84
Giá trị xuất khẩu	1000USD	6.573	6.738	5.960	88,45	90,67
Giá trị nhập khẩu	1000USD	106	200	93,46	46,73	88,17
Số phải nộp NSNN	Triệu đồng	4.890	4.900	5.417	110,55	110,78
Tổng quỹ lương thực trả	Triệu đồng	39.175	40.300	39.778	98,70	101,54
Lao động bình quân	Người	432	430	406	94,42	93,98
Thu nhập bình quân (người/tháng)	1.000đ	7.557	7.810	8.165	104,55	108,05
Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	2.740	13.150	2.456	18,67	89,64
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.464	13.513	13.536	100,17	100,53
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.088	10.135	10.331	101,93	102,41
Cổ tức	%	16	17	17	100,00	106,25

Xuất khẩu tiếp tục là thế mạnh của công ty trong năm 2014 vừa qua với tỷ trọng 84,26% tổng doanh thu của Công ty. So với năm 2013, doanh thu xuất khẩu giảm nhẹ 8,28% trong năm nay. Mảng nội địa cũng có phần sút giảm khi chỉ đạt 23,4 tỷ đồng trong khi năm trước đó đã đạt được 34,8 tỷ. Tuy nhiên cuối năm nay Công ty đã có được 02 hợp đồng lớn cho mảng nội địa, do đó doanh thu sẽ phản ánh vào năm tới đây. Mặc dù có sự biến động trong quá trình hoạt động, tuy nhiên, công ty vẫn giữ vững định hướng phát triển, duy trì thế mạnh của mình đồng thời nâng cấp khả năng sản xuất qua các dự án đầu tư nâng công suất, và đẩy mạnh công tác thị trường để tìm kiếm các đối tác mới.

Cơ cấu doanh thu



- Doanh thu xuất khẩu
- Doanh thu nội địa
- Doanh thu HĐTC



Tình hình hoạt động đầu tư

Theo kế hoạch năm 2014, Công ty dự kiến tổng vốn đầu tư là 13,150 tỷ đồng. Trong năm qua công ty đã thực hiện đầu tư là 2,46 tỷ đồng, đạt 18,67% theo kế hoạch và tương đương 89,64% so với năm trước. Trong kế hoạch 2014 có dự kiến đầu tư 01 máy tiện lớn có giá trị gần 10 tỷ, sau khi cân nhắc Ban lãnh đạo quyết định không đầu tư mà đổi sang đầu tư những máy móc thiết bị thường dùng cho sản xuất thì hiệu quả hơn. Quý IV năm 2014 công ty đã ký hợp đồng nhập 01 máy cắt Plasma CNC với giá trị là 2,572 tỷ đồng nhưng sang năm 2015 máy mới được nhập về và việc đầu tư tiếp tục được công ty thực hiện năm 2015.



Tình hình tài chính

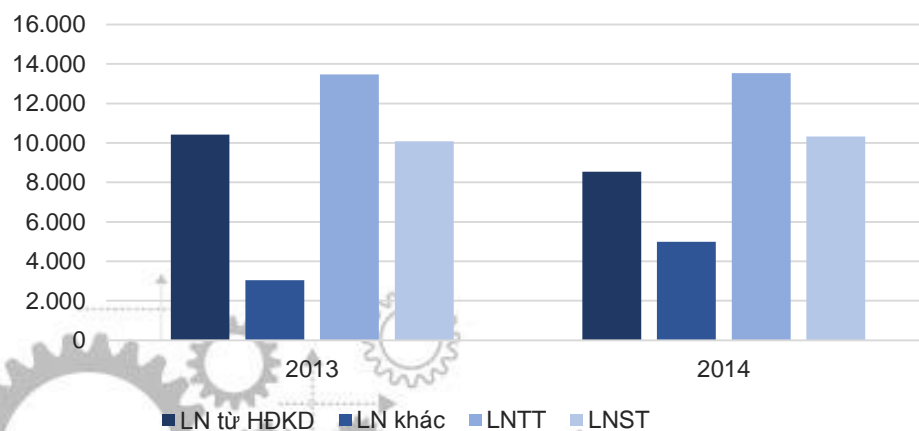
Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	% tăng giảm
Tổng tài sản	91.094	97.144	106,64%
Doanh thu thuần	173.015	150.166	86,79%
Lợi nhuận từ HĐKD	10.419	8.548	82,03%
Lợi nhuận khác	3.045	4.989	163,83%
Lợi nhuận trước thuế	13.464	13.536	100,53%
Lợi nhuận sau thuế	10.088	10.331	102,41%
EPS (đồng/cổ phiếu)	2.803	2.870	102,41%

triệu đồng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



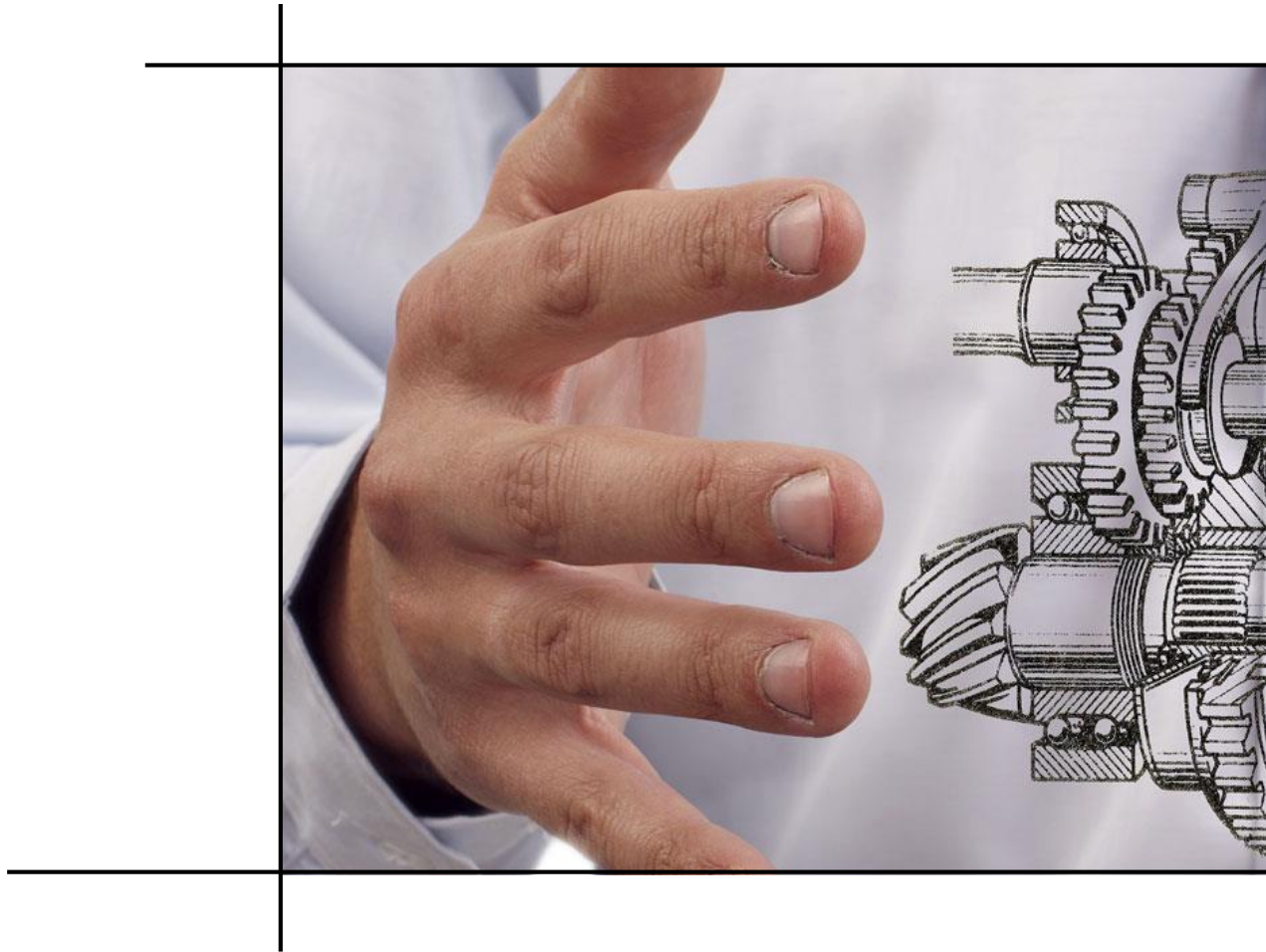
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

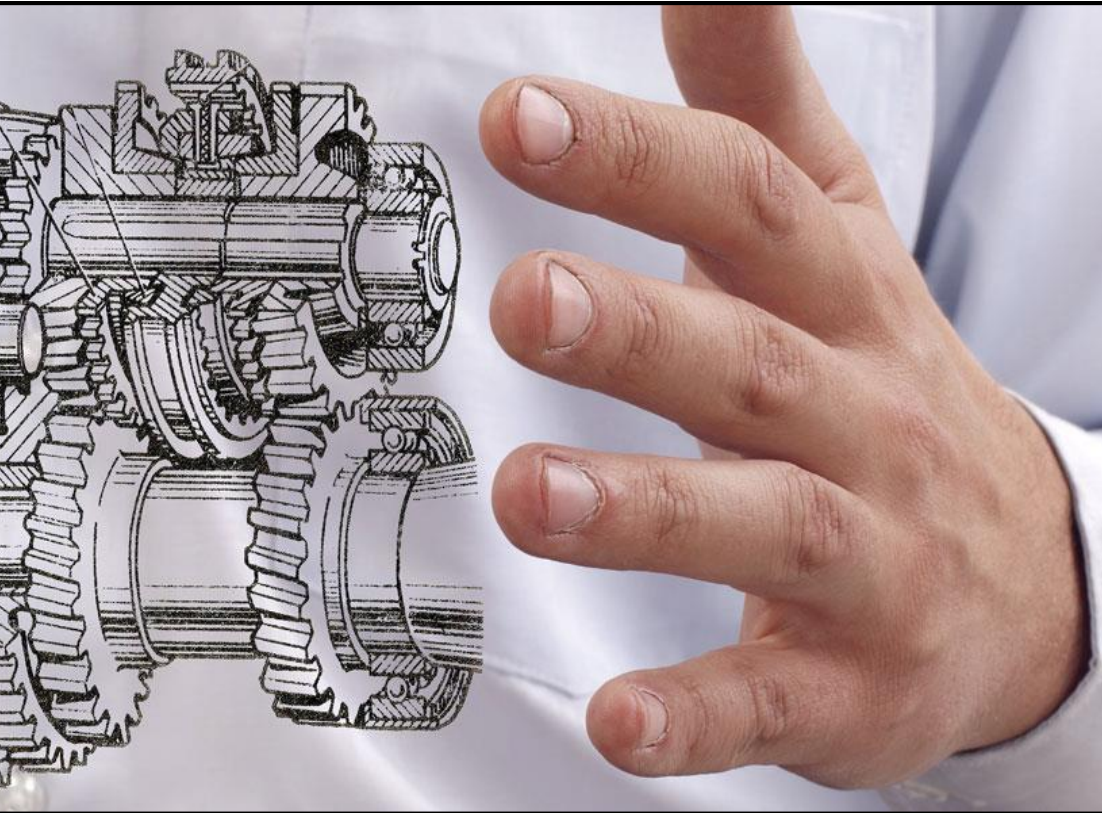
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,43	2,02	-16,87%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,83	1,60	-12,57%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,00%	50,32%	4,83%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	92,32%	101,31%	9,74%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,00	6,31	5,17%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,90	1,55	-18,42%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,83%	6,88%	18,01%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu BQ	%	21,76%	21,61%	0,69%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản BQ	%	11,02%	10,98%	0,36%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,02%	5,69%	5,48%





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



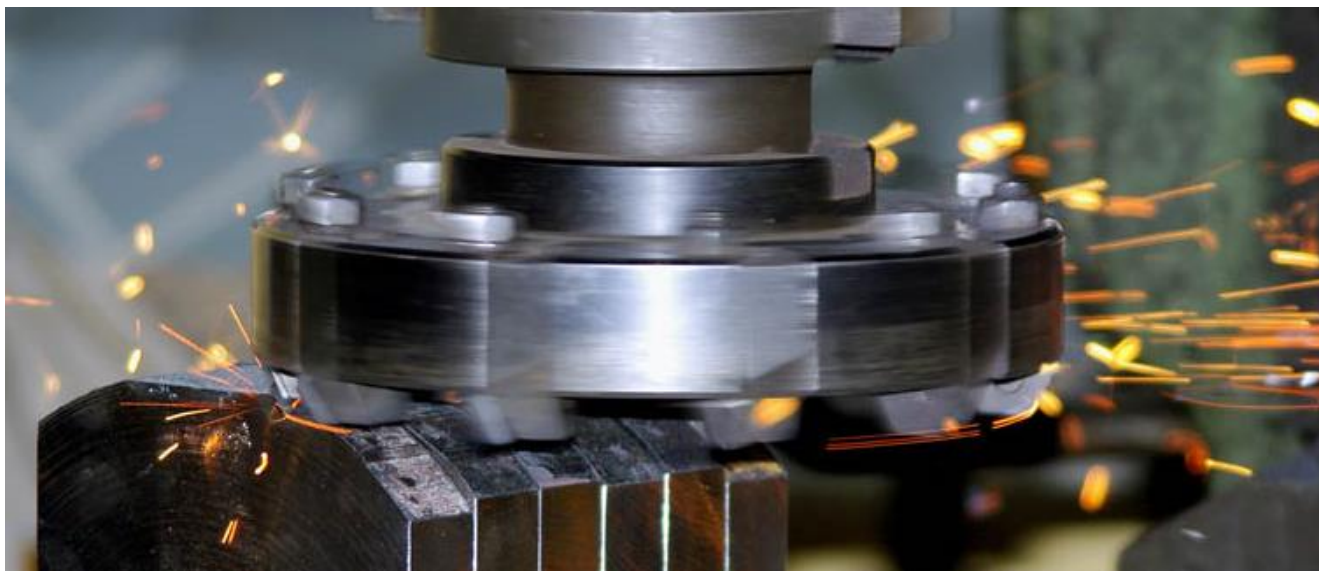




Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014 đi qua vẫn còn nhiều khó khăn từ vĩ mô đến các yếu tố vi mô ảnh hưởng đến doanh nghiệp. Với tiêu chí ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, ban điều hành đã nỗ lực hết sức mình nhằm mang lại những kết quả tốt nhất trong điều kiện như năm qua.

- Ⓢ Tổng doanh thu đạt 150,425 tỷ đồng, đạt 84,11% kế hoạch và giảm 13,44% so với năm trước, trong đó:
 - ✓ Doanh thu xuất khẩu đạt 126,754 tỷ đồng (tương đương 5.959.656 USD) đạt 89,43% kế hoạch và giảm 8,28% so với năm trước.
 - ✓ Doanh thu nội địa đạt 23,412 tỷ đồng, đạt 63,93% kế hoạch và giảm 32,77% so với năm trước.
 - ✓ Doanh thu hoạt động tài chính đạt 0,259 tỷ đồng, đạt 51,80% kế hoạch và giảm 66,36% so với năm trước.
 - ✓ Lợi nhuận thực hiện đạt 13,356 tỷ đồng, vượt 0,17% kế hoạch và tăng 0,53% so với năm trước.
- Ⓢ Số phải nộp ngân sách đạt 5,417 tỷ đồng, vượt 10,55% kế hoạch và tăng 10,78% so với năm trước.
- Ⓢ Cổ tức thực hiện là 17% đạt 100% kế hoạch và tăng 6,25% so với năm trước.





Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

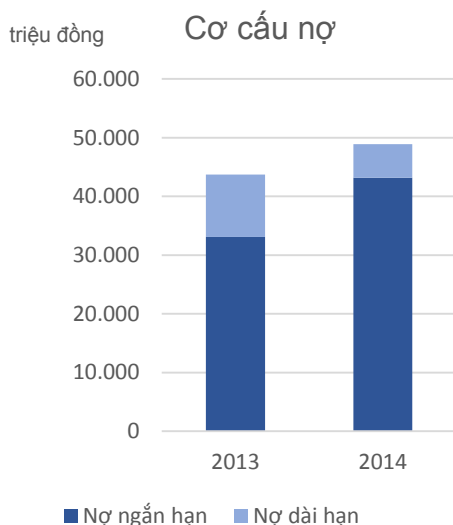
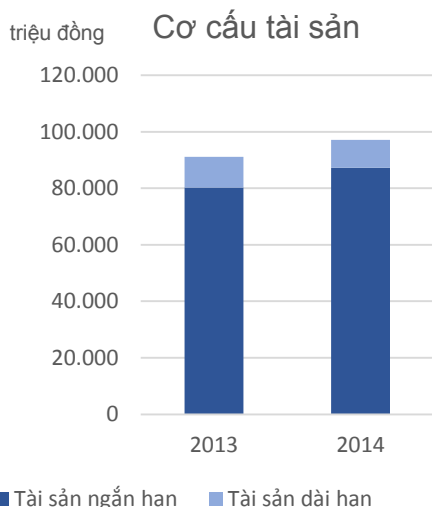
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2013
Tài sản ngắn hạn	87.293	80.258
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.689	5.829
Phải thu ngắn hạn	49.480	51.899
Hàng tồn kho	18.212	19.648
Tài sản ngắn hạn khác	8.913	2.882
Tài sản dài hạn	9.850	10.837
Tài sản cố định	9.639	10.790
Tài sản dài hạn khác	211	46
Tổng tài sản	97.144	91.094

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2013
Nợ ngắn hạn	43.180	33.085
Vay và nợ ngắn hạn	0	0
Phải trả cho người bán	4.880	4.424
Người mua trả tiền trước	9.681	4.641
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.499	2.581
Phải trả người lao động	15.896	17.816
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.808	1.318
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.395	2.305
Nợ dài hạn	5.707	10.643
Dự phòng phải trả dài hạn	5.707	8.504
Doanh thu chưa thực hiện	-	2.140
Tổng nợ	48.887	43.729



So với các năm trước, tài sản của Công ty không có sự biến động lớn. Về cơ cấu tài sản hầu như cũng không có sự thay đổi khi tài sản dài hạn vẫn chiếm ưu thế so với các tài sản ngắn hạn.

Trong năm công ty chi 1,9 tỷ đồng cho việc đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị và các phương tiện vận tải, thiết bị khác. Khối lượng đầu tư chưa thực hiện được theo kế hoạch năm 2014 sẽ tiếp tục đưa vào thực hiện trong năm 2015.

Khoản chênh lệch 7,03 tỷ đồng của tài sản ngắn hạn so với năm 2013 chủ yếu do khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng 83,38% và các tài sản ngắn hạn khác tăng 209,9%, trong đó chủ yếu là khoản tăng từ 1,7 tỷ năm 2013 lên 6,03 tỷ năm 2014 của Thuế GTGT được khấu trừ.

Cuối năm 2014, Công ty đã ký kết và triển khai được một hợp đồng lớn với khách hàng trong nước là Công ty cổ phần Chỉ sọt Cao Su V.R.G Sa Do. Việc khách hàng trả tiền thực hiện hợp đồng theo tiến độ vào thời điểm gần chốt sổ đã làm tăng đáng kể khoản người mua trả tiền trước so với cùng kỳ năm trước. Đây là diễn biến bình thường của công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với khoản tăng 5,4 tỷ đồng so với 2013 (tương đương tăng 416,59%) ghi nhận cổ tức chưa thực hiện năm 2014 phải trả theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đã thông qua đã làm cho Nợ ngắn hạn của Công ty tăng 30,51% so với cùng kỳ.

Năm nay công ty tiếp tục không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho hoạt động của công ty. Khoản nợ dài hạn duy nhất hiện nay là chi phí bảo hành công trình xây lắp có giá trị 5,7 tỷ đồng, so với năm trước, khoản này đã giảm 32,89%.

Công ty không tồn đọng các khoản nợ phải thu hoặc phải trả xấu.





Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2014, Công ty đã xây dựng xong hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2 và duy trì áp dụng ISO 9001:2008 vào sản xuất đã góp phần mang lại cho công ty sự tin tưởng tuyệt đối của khách nhất là khách hàng nước ngoài.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tình hình thế giới đang diễn biến khá phức tạp. Xung đột tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi. Kinh tế thế giới dự báo phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Liên kết kinh tế khu vực với nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới được đẩy mạnh trong xu thế toàn cầu hóa. Tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn trong khu vực đang diễn ra quyết liệt và tranh chấp chủ quyền biển đảo vẫn rất phức tạp. Kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng và phải cạnh tranh gay gắt hơn. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức. Với bối cảnh trên, ban lãnh đạo công ty đã phân tích và đưa ra những mục tiêu cho việc sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	So sánh (%)
A	B	C	1	2	3 = 2:1
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	150.425	168.250	111,85
	<i>Trong đó: Doanh thu XK</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>126.754</i>	<i>138.003</i>	<i>108,87</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	13.536	13.600	100,47
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.331	10.608	102,68
4	Kim ngạch xuất khẩu	1.000USD	5.960	6.494	108,96
5	Kim ngạch nhập khẩu	1.000USD	93	200	215,05
6	Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	2.456	9.148	372,48
7	Cổ tức	%	17	17	100,00

🔗 Các công tác sản xuất

Khẩn trương hoàn thành các công trình đang thi công dở dang năm 2014 mang sang cũng như các hợp đồng ký kết trong năm 2015, đẩy mạnh công tác nghiệm thu, quyết toán, xác nhận doanh thu, thu hồi vốn; Kiểm soát chặt chẽ tiến độ thi công từng công trình để đảm bảo giao hàng đúng thời hạn quy định.

Thường xuyên tổ chức công tác rèn luyện tay nghề cho công nhân, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Quản lý chặt chẽ quá trình sản xuất, thực hành tiết kiệm vật tư, chi phí, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị đúng quy định nhằm phát huy tốt công suất máy móc thiết bị, nhà xưởng để đảm bảo sản phẩm với chi phí hợp lý nhất.

Tiếp tục duy trì vào lĩnh vực sản xuất hàng cơ khí có hàm lượng kỹ thuật cao, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt coi trọng về chất lượng, đẩy mạnh sản xuất đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-2008. Tổ chức thực hiện tốt hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2 Chú trọng trong công tác nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất, phát triển các sản phẩm có giá trị cao.

🔗 Công tác thị trường

Theo dõi diễn biến thị trường, kịp thời cập nhật tình hình để có những định hướng phù hợp nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, nội lực của công ty nhằm phục vụ tốt mục tiêu phát triển.

Đẩy mạnh xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, bảo đảm chất lượng và xây dựng thương hiệu hàng hóa. Khai thác tốt nhất thị trường hiện có. Nỗ lực đàm phán để mở thêm thị trường mới. Đa dạng hóa và không để phụ thuộc vào một thị trường.

Gia tăng, phấn đấu cải thiện trong khu vực sản xuất kinh doanh nội địa. Nỗ lực đàm phán để mở thêm thị trường mới, khách hàng mới.

Tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác, các đơn vị có tiềm lực trong và ngoài nước để tận dụng tốt cơ hội kinh doanh.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh và phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường;



Công tác đầu tư

Đầu tư, trang bị thêm máy móc thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường làm việc để đảm bảo cho sản xuất kinh doanh với tổng vốn đầu tư dự kiến là 9,148 tỷ đồng. Dự kiến như sau:

- Đầu tư mới 01 khoan dầm CNC, 01 máy cắt CNC, 01 máy chấn tôn 6 mm, khổ 2.500, 01 máy cắt thủy lực, 01 máy tiện vạn năng và hệ thống cung cấp CO2...
- Đầu tư trang bị thêm một số máy công cụ cho sản xuất như máy hàn TIG, máy hàn MIG và một số máy công cụ khác.
- Cải tạo nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng tại mặt bằng khu vực quận 12 và khu vực quận Thủ Đức.

Các hoạt động khác

Triển khai, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu chủ yếu như: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận tối thiểu phải đạt bằng hoặc cao hơn kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo mức chi cổ tức cho cổ đông là 17%/năm.

Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quy hoạch, lựa chọn, đào tạo và tuyển dụng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Toàn thể CNCNV công ty với những kinh nghiệm và tinh thần vượt khó, tích cực lao động, sáng tạo tập trung mọi nguồn lực phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch 2015 đề ra.

Đảm bảo việc làm đầy đủ, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong công ty với dự kiến thu nhập bình quân là 8.730.000/người/ tháng. Đặc biệt, chú trọng hơn vào công tác an toàn và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Thực hiện tốt các công tác phong trào, đoàn thể, cộng đồng, an sinh xã hội.



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, đơn vị kiểm toán đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính của Công ty, do đó, Ban Tổng giám đốc không bổ sung thêm ý kiến giải trình.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ







Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Nền kinh tế Việt Nam năm 2014 ổn định kinh tế vĩ mô được tiếp tục duy trì và củng cố, tăng trưởng vượt mục tiêu, lạm phát thấp kỷ lục, cải cách thể chế kinh tế có nhiều tiến bộ song còn chậm, xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước có nhiều tiến triển. Tuy nhiên ngành ngân hàng chưa hết khó khăn, căng thẳng trong mối quan hệ với Trung Quốc làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó khó khăn nhất là các doanh nghiệp trong lĩnh vực cơ khí, xây dựng.

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 trong bối cảnh nền kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn và thách thức, Công ty đã cố gắng duy trì sản xuất ổn định, tuy doanh thu không đạt như kế hoạch đề ra nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu khác đặc biệt là lợi nhuận, tiền lương cho CBCNV và cổ tức cho cổ đông.

Một số chỉ tiêu chính đã đạt được trong năm 2014:

- ✓ Giá trị Tổng sản lượng đạt: 99.206 triệu đồng, giảm 6,32% so với năm 2013;
- ✓ Tổng doanh thu thực hiện đạt: 150.425 triệu đồng, giảm 13,44% so với năm 2013;
- ✓ Lợi nhuận trước thuế đạt: 13.536 triệu đồng, tăng 0,53% so với năm 2013;
- ✓ Tổng số lao động bình quân đạt: 406 người, giảm 6,02% so với năm 2013;
- ✓ Thu nhập bình quân đạt: 8.165.000 đồng, tăng 8,05% so với năm 2013;
- ✓ Giá trị xuất khẩu đạt: 5.960.000 USD, giảm 9,33% so với năm 2013;
- ✓ Cổ tức thực hiện đạt: 17%, tăng 6,25% so với năm 2013



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Mặc dù kế hoạch doanh thu chưa đạt kế hoạch nhưng các chỉ tiêu lợi nhuận đã đảm bảo chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đặt ra từ đầu năm. Với tình hình của năm 2014 vừa qua, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực hết mình để mang lại kết quả tốt nhất cho Công ty. Đồng thời Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế quản trị công ty trong các hoạt động của mình.





Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Triển vọng kinh tế năm 2015 tiếp tục hồi phục và phát triển cao hơn năm 2014, song nhìn chung kinh tế thế giới năm 2015 sẽ khó đoán hơn do gắn với khá nhiều diễn biến phức tạp chi phối, nhất là giá dầu mỏ và sự trồi sụt, bất ổn của nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới. Các hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp sẽ tiếp tục được đẩy mạnh, các hoạt động kinh doanh toàn cầu gia tăng.

Kinh tế Việt Nam năm 2015 sẽ chuyển sáng đậm nét và vững chắc hơn năm 2014, đẩy nhanh cải cách trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, lãi suất huy động ngân hàng giảm, nợ xấu được kiểm soát, những ngành nghề được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh trong năm 2015 như bất động sản, vật liệu và dịch vụ xây dựng, dịch vụ tiêu dùng, hàng tiêu dùng.

Mục tiêu năm 2015 của Công ty là tập trung sản xuất các mặt hàng thiết bị công nghiệp có giá trị cao để xuất khẩu và duy trì các đơn hàng nước ngoài, đảm bảo sản xuất ổn định, có việc làm thường xuyên cho người lao động.

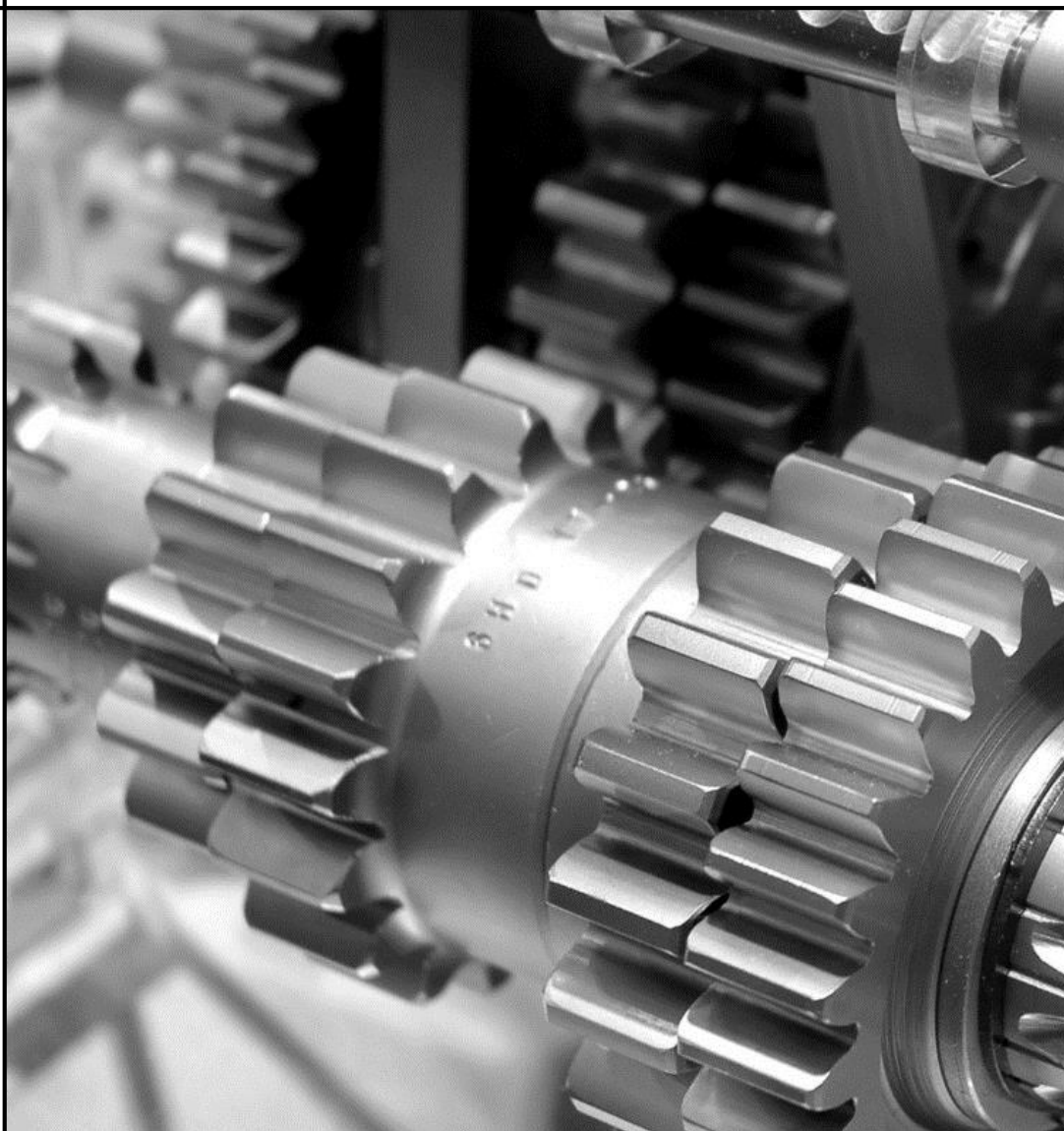
Hội đồng quản trị nhất trí thông qua bản kế hoạch SXKD năm 2015 với các chỉ tiêu cụ thể do Tổng giám đốc xây dựng và được HĐQT xem xét và trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của đơn vị, Hội đồng quản trị IMECO xây dựng chương trình hoạt động năm 2015 như sau:

- ✓ Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và Bộ máy điều hành Công ty tập trung triển khai thực hiện kế hoạch SXKD với những biện pháp tích cực, cụ thể để đảm bảo doanh thu, sản lượng, chất lượng và hiệu quả.
- ✓ Chỉ đạo và giám sát định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nguyên vật liệu. Giám sát chặt chẽ việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ và tài sản Công ty.
- ✓ Tập trung đầu tư trang bị thêm MMTB cỡ lớn nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất, thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa lớn MMTB, nhà xưởng định kỳ, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.
- ✓ Vì tính chất cần thiết và quan trọng của việc mở rộng đầu tư, Hội đồng quản trị nhất trí lấy ý kiến lại trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 về việc giải quyết sang nhượng tài sản trên đất tại Quận 12 tạo nguồn vốn cho việc đầu tư phát triển cho 5 năm tới.

Với chương trình hành động trên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo và giám sát hoạt động SXKD và các công tác khác tạo điều kiện cho Tổng Giám đốc và Bộ máy điều hành cùng toàn thể CBCNV của Công ty phối hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD năm 2015.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ







Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ
Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Nhà máy
Ông Nguyễn Cao Hoàng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đới Văn Lâm	Thành viên HĐQT độc lập

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị

Ông BÙI QUANG HẢI – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư ngành máy hóa - thực phẩm
Quá trình công tác	
06/1985 - 08/1988	Giám đốc Xí nghiệp Cơ Điện Tân Bình
09/1988 - 05/1992	Cán bộ tổ chức lao động Việt Nam tại Tiệp Khắc
06/1992 - 10/1996	Giám đốc nhà máy Cơ khí Thực phẩm
11/1996 - 03/2001	Giám đốc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp Phó Tổng giám đốc Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp kiêm Giám đốc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
04/2001 - 05/2004	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
01/2006 - 02/2007	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
02/2007- 06/2008	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cơ khí SABECO
07/2008- 07/2013	
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	252.097 cổ phần – tỷ lệ 7,00%



Ông NGUYỄN THÀNH TRUNG - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh	1967
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư ngành cơ khí chế tạo
Quá trình công tác	
08/1990 - 04/1993	Cán bộ nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế trung tâm Công nghệ khoa học thuộc Viện khoa học Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
05/1993 - 08/1996	Kỹ sư - Quản đốc xưởng cơ khí Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
09/1996 - 12/2005	– Phó giám đốc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp – Phó Tổng giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.
01/2006 - 02/2007	Tổng giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công Nghiệp
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	184.200 cổ phần – tỷ lệ 5,12%

Ông ĐOÍ VĂN LÂN – Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1956
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
1986 - 04/2006	Quản lý phân xưởng cơ khí (bảo trì) - Phó quản đốc Phân xưởng cơ khí trực thuộc Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
04/2006 - 06/2008	Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật trực thuộc Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
07/2008 – 06/2013	Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
07/2013 - đến nay	Tổng giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Không

Ông NGUYỄN QUỐC BÌNH – Thành viên HĐQT kiêm PGĐ nhà máy chế tạo thiết bị đồng bộ

Năm sinh	1958
Trình độ chuyên môn	Kinh tế kế hoạch
Quá trình công tác	
1981 - 1983	Sỹ quan Quân đội nhân dân Quân khu 7
1983 - 1987	Công chức phòng TCLĐXH huyện Long Khánh, Đồng Nai
1997 đến nay	Phó quản đốc Phân xưởng May, Cán bộ phòng Kinh doanh KCT, Phó giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị Đồng bộ thuộc Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	54.188 cổ phần – tỷ lệ 1,51%

Ông NGUYỄN CAO HOÀNG – Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1959
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	
1981- 1988	Sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam
1988 - 1994	Phó tổng giám đốc liên hiệp KHSX Công nghệ mới
1994 đến nay	Giám đốc Trung tâm PTKT và CNTP
Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	50.700 cổ phần – tỷ lệ 1,41%





Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ
Ông Huỳnh Phước Năng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Lớn	Thành viên
Ông Hà Ngọc Long	Thành viên

Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

Ông HUỖNH PHƯỚC NĂNG – Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1956
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí - Cử nhân kinh tế
Tóm tắt quá trình công tác	Từng giữ các chức vụ Cán bộ Kỹ thuật nhà máy Cơ khí Rượu Bia, Xí nghiệp vận tải Công ty Bia Sài Gòn, trưởng phòng kỹ thuật Công ty Bia Sài Gòn và hiện nay đang làm Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO trực thuộc Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.
Số cổ phần nắm giữ	Không

Ông NGUYỄN VĂN LỚN – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1955
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế- Kế toán doanh nghiệp
Tóm tắt quá trình công tác	Từng giữ chức vụ Phó phòng Hành chính Nhân sự và hiện nay là Trưởng phòng hành chính Nhân sự Công ty IMECO. Hiện nay là Phó bí thư Đảng bộ CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (nhiều nhiệm kỳ).
Số cổ phần nắm giữ	12.000 cổ phần – tỷ lệ 0,33%

Ông HÀ NGỌC LONG – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1973
Trình độ chuyên môn	Trung cấp điện
Tóm tắt quá trình công tác	Từng nắm giữ các chức vụ Tổ trưởng tổ Điện Công ty IMECO, nhân viên kỹ thuật Công ty IMECO, quản đốc phân xưởng Bảo trì và Xử lý bề mặt, đã từng làm Bí thư Đoàn nhiều nhiệm kỳ.
Số cổ phần nắm giữ	10.475 cổ phần – tỷ lệ 0,29%



Ban Tổng giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc

Thành viên Ban điều hành	Chức vụ
Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Long Châu	Giám đốc điều hành tài chính - Kiểm Kế toán trưởng
Ông Đặng Anh Tuấn	Giám đốc điều hành sản xuất
Bà Nguyễn Thị Loan	Giám đốc điều hành kinh doanh
Ông Ngô Hồng Sơn	Giám đốc điều hành Kỹ thuật

Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc

Ông **NGUYỄN THÀNH TRUNG** – Tổng Giám đốc

Xem lý lịch Hội đồng Quản trị

Bà **NGUYỄN THỊ LONG CHÂU** – Giám đốc điều hành tài chính kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tóm tắt quá trình công tác	Từng nắm giữ chức vụ Phụ trách kế toán nhà máy Cơ điện Tân Bình, Kế toán trưởng Nhà máy Cơ khí Thực phẩm (nay là Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp), đến 15/02/2012 được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp.
Số cổ phần nắm giữ	52.134 cổ phần – tỷ lệ 1,45%



Ông ĐẶNG ANH TUẤN – Giám đốc điều hành sản xuất

Năm sinh	1971
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí chế tạo
Tóm tắt quá trình công tác	Từng giữ các chức vụ Phó phòng kỹ thuật, Trưởng phòng Kinh tế- Kỹ thuật Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, nay là Giám đốc điều hành sản xuất CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.
Số cổ phần nắm giữ	25.907 cổ phần – tỷ lệ 0,72%

Bà NGUYỄN THỊ LOAN – Giám đốc điều hành kinh doanh

Năm sinh	1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tóm tắt quá trình công tác	Từng giữ các chức vụ Trưởng văn phòng Giám đốc, trợ lý Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp và nay là Giám đốc điều hành kinh doanh CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.
Số cổ phần nắm giữ	42.980 cổ phần – tỷ lệ 1,19%

Ông NGÔ HỒNG SƠN – Giám đốc điều hành kỹ thuật

Năm sinh	1966
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí
Ngoại ngữ	Tiếng Anh
Tóm tắt quá trình công tác	Ông Ngô Hồng Sơn từng giữ chức vụ Phó giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị đồng bộ, trưởng phòng Quản lý chất lượng (trực thuộc Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp) đến ngày 15/02/2012 được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành kỹ thuật CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.
Số cổ phần nắm giữ	29.393 cổ phần – tỷ lệ 0,82%





Những thay đổi trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Không có



Tình hình nhân sự

Cơ cấu lao động tính đến 31/12/2014

Tính đến 31/12/2014, tổng số lao động của Công ty là 380 người, trong đó:

STT	Tính chất phân loại	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ 2014/2103
A	Theo trình độ	399	380	95,24%
1	Đại học	61	67	109,84%
2	Cao đẳng	18	17	94,44%
3	Khác	320	296	92,50%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	399	380	95,24%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	288	69	23,96%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	111	311	280,18%

Thu nhập bình quân của người lao động

TT	Năm	Mức lương bình quân (triệu đồng/ người /tháng)
1	2012	6,9
2	2013	7,5
3	2014	8,16





🔗 Công tác nhân sự, đào tạo

Đảm bảo thu nhập, việc làm, chế độ và trả lương hàng tháng kịp thời cho người lao động. Tổng lao động bình quân năm 2014 của công ty là 406 người, đạt 94,42% so với kế hoạch và giảm 6,02% so với năm trước.

Đảm bảo thực thi đầy đủ chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các chế độ theo quy định của Bộ Luật lao động

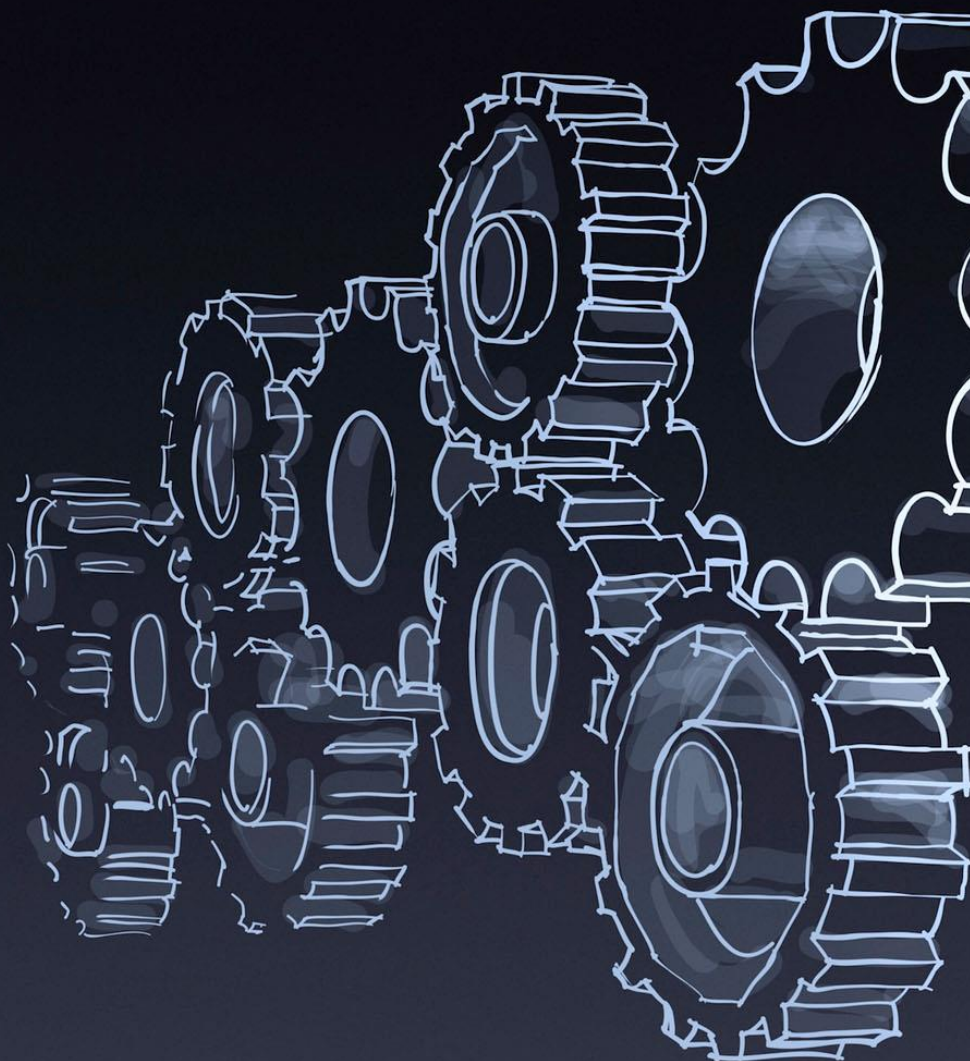
Trong năm công ty đã tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề cho CBCNV/ huấn luyện nhằm đáp ứng yêu cầu của Khách hàng như đào tạo cấp chứng chỉ nghề cho 44 công nhân, đào tạo thi nâng bậc cho công nhân, đào tạo xây dựng hệ thống kiểm soát sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 1090- 1, đào tạo huấn luyện An toàn lao động cho toàn bộ công nhân vv...

🔗 Chính sách khác

Công ty luôn chú trọng công tác bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh môi trường. Đặc biệt, công tác an toàn sản xuất đã được công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị và bảo hộ lao động cho công nhân. Thường xuyên kiểm tra, kiểm định các thiết bị nâng hạ, các máy móc thiết bị luôn trong điều kiện an toàn để phục vụ cho sản xuất.



QUẢN TRỊ CÔNG TY







Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đã tiến hành họp trong năm 2014 là 05 (năm) lần và xin ý kiến của các thành viên HĐQT 07 (bảy) lần. Các cuộc họp của HĐQT có sự tham gia tương đối đầy đủ của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và Trưởng các đơn vị IMECO. Nội dung thảo luận và ra Nghị quyết luôn tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Hoạt động của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT đã thay mặt Hội đồng quản trị theo dõi sát tình hình SXKD, đầu tư kịp thời chỉ đạo cho Bộ máy điều hành theo đúng định hướng các nội dung trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Yêu cầu Tổng Giám đốc và Bộ máy điều hành báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, lập kế hoạch về đầu tư, quản lý nguồn vốn Công ty sao cho có hiệu quả.

Yêu cầu Tổng Giám đốc và Bộ máy điều hành thực hiện kịp thời những quy định về việc công bố thông tin về các báo cáo quản trị, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và các văn bản chỉ đạo.

Hội đồng quản trị IMECO đã chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD và thông qua các quyết định về các nhiệm vụ khác liên quan trong năm 2014 như sau:

- ✓ Chỉ đạo và giám sát việc xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch chi p í và lợi nhuận năm 2014 của đơn vị.
- ✓ Ban hành Quy chế về quản trị Quản trị Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp theo Thông tư số 121/2012 của Bộ Tài chính.
- ✓ Phê duyệt giá trị đầu tư và nhà cung cấp hệ thống camera quan sát giai đoạn 1 tại Nhà máy Thủ Đức
- ✓ Phê duyệt giá trị đầu tư và nhà cung cấp máy cắt Plasma CNC có giá trị 2,58 tỷ đồng.
- ✓ Xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc phê duyệt phương án di dời nhà máy cơ khí của Công ty từ Quận 12 ra Khu công nghiệp với giá sàn đền bù 40 tỷ đồng bao gồm tài sản trên đất và hỗ trợ di dời. Tuy nhiên vì không đạt tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty vì vậy Đại hội đồng cổ



Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham gia
Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch	05	100%	
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	04	80%	Bận công tác, có ủy quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	05	100%	
Ông Nguyễn Cao Hoàng	Thành viên	05	100%	
Ông Đới Văn Lân	Thành viên	04	80%	Bận công tác, có ủy quyền biểu quyết

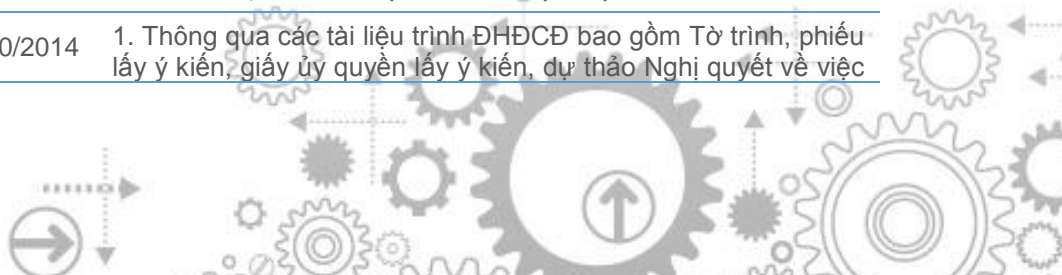
Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Với quy mô hiện tại, Hội đồng Quản trị không lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	91/NQ-HĐQT	31/03/2014	<p>1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD Quý I/2014 và Kế hoạch Quý II/2014. Giao nhiệm vụ cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện việc đầu tư máy tiện đứng theo chủ trương mà HĐQT đã phê duyệt. Nhất trí tạm ngưng việc chuyển nhượng tài sản mặt bằng Quận 12 và giao nhiệm vụ cho Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo khẩn trương làm việc với Thành phố về việc thuê đất dài hạn tại đây. Đến ngày 30/06, Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT kết quả làm việc với Thành phố về mặt bằng Quận 12 và trình phương án sử dụng mặt bằng này làm cơ sở so sánh với phương án chuyển nhượng tài sản trên đất .</p> <p>2. Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản về Quy chế XNK và thành lập phòng An toàn Công ty. Giao cho GDH tài chính tìm đơn vị tư vấn để xây dựng Quy chế đầu tư trình HĐQT phê duyệt.</p> <p>3. Thông qua ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014 là ngày 10/05/2014. Thông qua các tài liệu có liên quan đến Đại hội đồng cổ đông năm 2014, riêng Điều lệ hiệu chỉnh đề nghị các thành viên HĐQT, BKS và bộ máy điều hành có ý kiến góp ý trước ngày 15/04/2014 để hoàn tất Điều lệ trình Đại hội cổ đông.</p>
2	92/NQ-HĐQT	31/03/2014	Dự kiến lấy ngày 10/05/2014 tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
3	109/QĐ-HĐQT	16/04/2014	Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2013.
4	129/NQ-HĐQT	10/05/2014	<p>1. Thông qua Báo cáo thực hiện SXKD năm 2013 và kế hoạch SXKD năm 2014.</p> <p>2. Thông qua Báo cáo Công tác quản lý, giám sát năm 2013 và chương trình hoạt động năm 2014 của HĐQT.</p>

			<p>3. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS, thẩm định hoạt động tài chính và công tác kiểm tra, kiểm soát năm 2013.</p> <p>4. Thông qua phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2013.</p> <p>5. Thông qua kế hoạch tài chính năm 2014.</p> <p>6. Thông qua phê duyệt thù lao HĐQT, BKS và trích thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận.</p> <p>7. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt và chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.</p> <p>8. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp năm 2014 được sửa đổi theo quy định của Thông tư 121/2014 và thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ủy quyền cho HĐQT thông qua ngày 30/05/2012.</p>
5	187/NQ-HĐQT	30/06/2014	<p>1. Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.</p> <p>2. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện hoạt động SXKD, đầu tư, công nợ 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2014.</p> <p>3. Thông qua việc giao cho chủ tịch HĐQT triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT về việc xử lý mặt bằng Quận 12.</p> <p>4. Thông qua việc tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, giao cho GDH Tài chính & GDH Kinh doanh tổ chức thực hiện.</p> <p>5. Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2014, trường phòng HC-NS trình chính sách tiền lương để HĐQT phê duyệt.</p> <p>6. Thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT năm 2014 duy trì như năm 2011, giao Chủ tịch HĐQT chuyên trách nhiệm giám sát, chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ Công ty.</p>
6	213/QĐ-HĐQT	17/07/2014	Ban hành quy chế về quản trị Công ty
7	225a/QĐ-HĐQT	30/07/2014	Phê duyệt giá trị đầu tư nhà cung cấp Hệ thống Camera giám sát giai đoạn 1.
8	260/NQ-HĐQT	28/08/2014	<p>1. Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc phê duyệt phương án di dời nhà máy cơ khí tại Quận 12 ra khu công nghiệp với mức giá sàn của việc đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời trị giá 40 tỷ đồng. Giáo Chủ tịch HĐQT được quyền chọn luật sư tư vấn lập phương án di dời và đầu tư mới trình ĐHCĐ thông qua.</p> <p>2. Thuê đơn vị Foodtech viết dự án đầu tư mới với giá cả theo quy định của Nhà nước và có thỏa thuận hợp lý.</p> <p>3. Giáo cho GDH Tài chính và Trưởng phòng HC-NS trình phương án trả lương và phương tiện cho Chủ tịch HĐQT là người chuyên trách, thường trực giải quyết công việc của HĐQT. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý trước khi trình HĐQT, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.</p>
9	297/NQ-HĐQT	10/10/2014	1. Thông qua các tài liệu trình ĐHCĐ bao gồm Tờ trình, phiếu lấy ý kiến, giấy ủy quyền lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết về việc



			<p>phê duyệt lấy phương án di dời nhà máy cơ khí của IMECO ra khu công nghiệp với giá sàn đền bù là 40 tỷ đồng bao gồm tài sản trên đất và hỗ trợ di dời.</p> <p>2. Thông qua việc giao cho Tổng Giám đốc trình các phương án đầu tư mới làm cơ sở để trình HĐQT IMECO phê duyệt trước ngày 31/10/2014.</p> <p>3. Thông qua Báo cáo Tình hình SXKD, công nợ, đầu tư Quý III/2014 và kế hoạch SXKD năm 2015 trình HĐQT phê duyệt trước ngày 30/11/2015.</p>
10	459/QĐ-HĐQT	28/10/2014	Phê duyệt giá trị đầu tư và nhà cung cấp Máy cắt Plasma CNC.
11	528/NQ-HĐQT	30/12/2014	<p>1. Thông qua ước thực hiện SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015.</p> <p>2. Thông qua việc trình Đại hội cổ đông năm 2015 chủ trương chuyển nhượng tài sản trên đất mặt bằng Quận 12 với giá sàn là 40 tỷ đồng.</p> <p>3. Thông qua việc giao Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của Công ty bao gồm các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tốc độ tăng trưởng và các biện pháp tổ chức thực hiện.</p>
12	529/NQ-HĐQT	30/12/2014	Tạm ứng cổ tức năm 2014

Hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Các thành viên HĐQT không điều hành trong năm tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tích cực phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác trong công tác điều hành và quản lý công ty.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có





Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2014, Ban kiểm soát tiếp tục cơ chế hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Một số kết quả hoạt động chính của Ban kiểm soát như sau:

- ☛ Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện cơ chế kiểm soát thông qua vị trí công tác của các thành viên trong ban kiểm soát, các thành viên báo cáo công tác thực hiện vào ngày 5-10 hàng tháng, Trưởng Ban kiểm soát tổng hợp các kết quả kiểm soát để ra báo cáo công tác gửi đến HĐQT và ban điều hành. Ban Kiểm soát đã thực hiện việc báo cáo hàng tháng có tốt hơn so với năm 2013, tuy nhiên vẫn chưa đi vào nề nếp như các thành viên đã thống nhất.
- ☛ Trong năm 2014, Ban kiểm soát cũng đã thực hiện họp định kỳ 2 lần vào tháng 8 và tháng 11 để kiểm điểm việc thực hiện công tác theo quy định theo hướng dẫn của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty cho các Công ty đại chúng
- ☛ Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trên cơ sở các cuộc họp trên HĐQT có các quyết định thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT, thông qua các báo cáo trình ĐHCĐ 2014, KHĐT 2014, triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thông qua việc thực hiện kế hoạch từng quý, Ban kiểm soát cũng thực hiện chức năng của ban trong các khuyến nghị để thực hiện đúng các quy định chi trả về thù lao cho các chức danh của HĐQT, kiểm tra việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông về việc di dời tại khu vực Thới An. Đánh giá của BKS là HĐQT đã thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra thực hiện kịp thời, các quyết định phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với các quy định, tạo cơ chế làm việc phối hợp tốt giữa HĐQT, Ban Điều hành và Ban KS. Đối với các cuộc họp của Ban điều hành, thông qua các thành viên BKS dự họp trực tiếp có ý kiến cho công tác kiểm tra phù hợp với chức năng nhiệm vụ của BKS. Các hoạt động của BKS được HĐQT cũng như ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện và các kiến nghị của BKS cũng được HĐQT và Ban điều hành thực hiện hoặc khắc phục.





Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Việc trả lương, thưởng được thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty, Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.

- \$ **Hội đồng quản trị:**
 - ✓ Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng
 - ✓ Thành viên: 3.000.000 đồng/tháng
- \$ **Ban kiểm soát**
 - ✓ – Trưởng ban: 3.000.000 đồng/tháng
 - ✓ – Thành viên: 2.000.000 đồng/tháng
- \$ **Ban Tổng giám đốc**

Tiền lương và thu nhập của Ban Tổng giám đốc được chi theo quyết định của HĐQT và quy chế lương thưởng của Công ty. Năm 2014, Tổng số tiền lương chi cho Ban Tổng giám đốc là 2.313.093.474 đồng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/ Mỗi quan hệ với CĐ nội bộ	Số lượng CP trước giao dịch	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP sau giao dịch	Tỷ lệ (%)	Giao dịch
1	Bùi Quang Hải	CT.HĐQT	220.097	6,11%	252.097	7%	Mua
2	Bùi Trần Anh	Con ruột CT.HĐQT	33.000	0,92%	72.000	2%	Mua
3	Bùi Quỳnh Hoa	Con ruột CT.HĐQT	33.000	0,92%	72.000	2%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định về công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC, quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng theo Thông tư 121/2012/TT-BTC, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

Năm qua, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua việc sửa đổi điều lệ và xây dựng quy chế quản trị công ty nhằm chuẩn hóa hoạt động quản trị theo quy định của Luật hiện hành.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phần	3.599.480
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng
Loại cổ phần đang lưu hành	cổ phần phổ thông
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	3.599.480
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0
Cổ phiếu quỹ	0



Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 20/01/2015

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1.1	Nhà nước	1	936.000	26,00
1.2	Cổ đông khác	214	2.663.948	74,00
Tổng cộng		215	3.599.948	100,00
2.1	Cổ đông trong nước	211	3.330.224	92,51
	Tổ chức	5	1.005.758	27,94
	Cá nhân	206	2.324.466	64,57
2.2	Cổ đông nước ngoài	4	269.724	7,49
	Tổ chức	2	28.800	0,80
	Cá nhân	2	240.924	6,69
Tổng cộng		215	3.599.948	100,00

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí SABE CO	936.000	26,00%
2	Ông Bùi Quang Hải	252.097	7,00%
3	Ông Nguyễn Thành Trung	184.200	5,12%
Tổng cộng		1.340.297	37,23%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, được lập ngày 19/03/2015, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc

TRÁCH NHIỆM HỮU MIỄN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
NAM VIỆT

Nguyễn Thị Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0167-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga

Nguyễn Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1266-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.293.486.183	80.257.602.820
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	10.688.859.766	5.828.730.350
1. Tiền	111		6.688.859.766	3.828.730.350
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.479.749.816	51.899.130.224
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	48.337.159.299	51.166.609.500
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	843.027.000	570.250.080
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	299.563.517	162.270.644
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	18.211.838.257	19.647.988.901
1. Hàng tồn kho	141		18.211.838.257	19.647.988.901
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.913.038.344	2.881.753.345
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	1.102.963.489	424.884.421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.036.865.806	1.798.998.656
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.07	1.459.263.669	451.927.212
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		313.945.380	205.943.056
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.850.093.998	10.836.709.268
II. Tài sản cố định	220		9.638.703.998	10.790.442.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.437.315.109	10.790.442.601
- Nguyên giá	222		62.540.193.877	60.925.375.479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.102.878.768)	(50.134.932.878)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	201.388.889	-
- Nguyên giá	228		855.948.500	605.948.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(654.559.611)	(605.948.500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		211.390.000	46.266.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		211.390.000	46.266.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97.143.580.181	91.094.312.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.847.158.412	43.728.656.217
I. Nợ ngắn hạn	310		43.139.960.126	33.085.213.776
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.10	4.879.569.083	4.424.335.094
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	9.681.305.939	4.640.885.835
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	3.459.138.468	2.581.165.617
5. Phải trả người lao động	315		15.895.572.400	17.816.269.724
6. Chi phí phải trả	316		20.800.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	6.808.079.565	1.317.885.550
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.395.494.671	2.304.671.956
II. Nợ dài hạn	330		5.707.198.286	10.643.442.441
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.14	5.707.198.286	8.503.662.441
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	2.139.780.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.296.421.769	47.365.655.871
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	48.296.421.769	47.365.655.871
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.999.480.000	35.999.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.357.505.017	7.313.627.431
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.790.485.701	2.268.546.908
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	32.400.000
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.148.951.051	1.751.601.532
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97.143.580.181	91.094.312.088



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

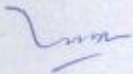
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	38.990.347.957
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		6.547,76	55.665,36
- EUR		25.333,51	6.691,22
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

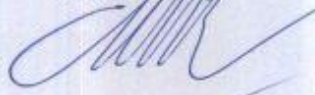
Người lập biểu



Nguyễn Thị Quý

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	150.201.788.279	173.015.296.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	36.127.842	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	150.165.660.437	173.015.296.122
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	119.501.574.146	143.664.701.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.664.086.291	29.350.594.993
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	258.821.336	770.175.440
7. Chi phí tài chính	22		-	12.281.082
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	12.281.082
8. Chi phí bán hàng	24		5.688.779.915	4.658.423.894
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.686.615.365	15.030.716.675
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.547.512.347	10.419.348.782
11. Thu nhập khác	31	VI.06	6.030.480.120	3.406.024.814
12. Chi phí khác	32	VI.07	1.041.766.121	361.004.078
13. Lợi nhuận khác	40		4.988.713.999	3.045.020.736
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.536.226.346	13.464.369.518
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	3.204.890.839	3.376.611.888
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.331.335.507	10.087.757.630
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.870	2.803

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quý

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung



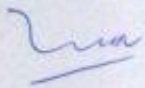
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		138.149.121.767	124.158.915.144
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(82.087.704.685)	(94.987.527.609)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(40.277.597.324)	(37.903.585.426)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(12.281.082)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.990.900.689)	(2.575.285.837)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		475.550.666	4.997.765.164
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.963.881.278)	(4.757.057.551)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>7.304.588.457</i>	<i>(11.079.057.197)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.456.415.951)	(3.009.343.583)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		42.327.273	97.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		222.891.227	586.871.909
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(2.191.197.451)</i>	<i>(2.325.198.947)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	3.147.513.358
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(3.147.513.358)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(253.261.590)	(7.253.103.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(253.261.590)</i>	<i>(7.253.103.400)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>4.860.129.416</i>	<i>(20.657.359.544)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.828.730.350	26.486.089.894
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		10.688.859.766	5.828.730.350


Người lập biểu



Nguyễn Thị Quý

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006, và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 số 0300628797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 04 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại 929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc, thiết bị điện; nước và hoàn thiện công trình. Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV. Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gỗ thép và khung nhà tiền chế (trừ tải chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện). Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước. Xử lý nước thải. Kinh doanh bất động sản.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Chứng từ ghi sổ.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 20 năm
- Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về báo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng bởi tổ thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính



Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận.

Phần công việc hoàn thành được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng theo nghiệm thu của hai bên.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	425.288.633	372.628.419
Tiền gửi ngân hàng	6.263.571.133	3.456.101.931
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	10.688.859.766	5.828.730.350
2. Phải thu khách hàng	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
AAF International LTD	1.241.595.609	15.184.876.381
HOWDEN UK LTD	6.899.859.003	15.986.725.015
NEM POWER SYSTEMS	20.200.543.864	1.115.122.395
ANDRITZ AKTIEBOLAG	9.666.797.243	4.062.822.475
Các khách hàng khác	10.328.363.580	14.817.063.234
Cộng	48.337.159.299	51.166.609.500
3. Trả trước cho người bán	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Cơ Khí XD Thang Máy Đồng Tâm	-	286.000.000
Công ty TNHH giải pháp và khoa học công nghệ Việt Nam	771.540.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	71.487.000	284.250.080
Cộng	843.027.000	570.250.080
4. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu BHXH của nhân viên	163.359.562	110.484.176
Phải thu khác	136.203.955	51.786.468
Cộng	299.563.517	162.270.644



5. Hàng tồn kho	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.741.679.248	15.115.236.527
Công cụ, dụng cụ	2.091.350.411	2.266.809.511
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.378.808.598	2.265.942.863
Cộng giá gốc hàng tồn kho	18.211.838.257	19.647.988.901
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần của hàng tồn kho	18.211.838.257	19.647.988.901
6. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	1.102.963.489	424.884.421
Cộng	1.102.963.489	424.884.421
7. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế nhập khẩu	1.459.263.669	451.927.212
Cộng	1.459.263.669	451.927.212



8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>					
Số dư đầu năm	15.433.984.507	41.410.397.954	3.876.649.443	204.343.575	60.925.375.479
Số tăng trong năm	-	1.191.219.636	764.195.770	251.000.545	2.206.415.951
Bao gồm:					
- Mua sắm mới	-	1.191.219.636	527.945.770	251.000.545	1.970.165.951
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	236.250.000	-	236.250.000
Số giảm trong năm	-	591.597.553	-	-	591.597.553
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán		591.597.553			591.597.553
Số dư cuối năm	15.433.984.507	42.010.020.037	4.640.845.213	455.344.120	62.540.193.877
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	12.283.668.859	35.347.090.331	2.299.830.113	204.343.575	50.134.932.878
Số tăng trong năm	1.010.677.834	1.922.613.537	465.056.770	9.088.636	3.407.436.777
Bao gồm:					
- Khấu hao trong năm	1.010.677.834	1.922.613.537	465.056.770	9.088.636	3.407.436.777
Số giảm trong năm	-	439.490.887	-	-	439.490.887
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán		439.490.887			439.490.887
Số dư cuối năm	13.294.346.693	36.830.212.981	2.764.886.883	213.432.211	53.102.878.768
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</i>					
Tại ngày đầu năm	3.150.315.648	6.063.307.623	1.576.819.330	-	10.790.442.601
Tại ngày cuối năm	2.139.637.814	5.179.807.056	1.875.958.330	241.911.909	9.437.315.109
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				35.792.734.504	đồng



9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình		Đơn vị tính: VND	
		Phần mềm	
		vì tính	
<i>Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>			
Số dư đầu năm		605.948.500	
Số tăng trong năm		250.000.000	
Bao gồm:			
- Mua sắm mới		250.000.000	
Số giảm trong năm		-	
Số dư cuối năm		855.948.500	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm		605.948.500	
Khấu hao trong năm		48.611.111	
Số giảm trong năm		-	
Số dư cuối năm		654.559.611	
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</i>			
Tại ngày đầu năm		-	
Tại ngày cuối năm		201.388.889	
10. Phải trả cho người bán			
	31/12/2014	01/01/2014	
	VND	VND	
AAF (WUHAN) CO., LTD	-	1.196.594.835	
Công ty CP Hải Ninh	165.000.000	621.940.000	
Công ty TNHH kỹ thuật cơ điện xây dựng thương mại Sài Gòn	-	417.025.400	
Công ty TNHH Đại Vĩnh An	595.795.200	-	
Công ty CP DV giao nhận vận tải Ưu Vận	1.323.300.000	-	
Công ty CP Trung Tín Á Châu	558.787.460	78.936.000	
Các nhà cung cấp khác	2.236.686.423	2.109.838.859	
Cộng	4.879.569.083	4.424.335.094	
11. Người mua trả tiền trước			
	31/12/2014	01/01/2014	
	VND	VND	
AAF (WUHAN) CO., LTD	391.791.921	553.349.047	
HOWDEN UK LTD	-	1.883.743.388	
NEM POWER SYSTEMS	811.739.377	337.317.830	
Công ty CP Chỉ sợi Cao Su V.R.G SA DO	8.287.012.383	-	
Các khách hàng khác	190.762.258	1.866.475.570	
Cộng	9.681.305.939	4.640.885.835	

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	170.374.664	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.782.385.939	2.217.831.744
Thuế thu nhập cá nhân	206.719.815	363.333.873
Các loại thuế khác	299.658.050	-
Cộng	3.459.138.468	2.581.165.617
13. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	274.792.614	273.746.660
Phải trả về cổ phần hóa	15.966.400	15.966.400
Cổ tức phải trả	6.477.423.710	610.773.700
Phải trả khác	39.896.841	417.398.790
Cộng	6.808.079.565	1.317.885.550
14. Dự phòng phải trả dài hạn	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	5.707.198.286	8.503.662.441
Cộng	5.707.198.286	8.503.662.441



15. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	35.999.480.000	6.323.182.021	2.074.948.807	-	972.407.788	45.370.018.616
- Tăng trong năm trước						
- Giảm trong năm trước			(301.624.604)	(255.600.000)		(557.224.604)
- Lãi trong năm trước					10.087.757.630	10.087.757.630
- Phân phối lợi nhuận năm trước		990.445.410	495.222.705	288.000.000	(9.308.563.885)	(7.534.895.770)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển		990.445.410			(990.445.410)	-
+ Trích quỹ dự phòng tài chính			495.222.705		(495.222.705)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(1.774.978.970)	(1.774.978.970)
+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				288.000.000	(288.000.000)	-
+ Chia cổ tức bằng tiền					(5.759.916.800)	(5.759.916.800)
Số dư cuối năm trước	35.999.480.000	7.313.627.431	2.268.546.908	32.400.000	1.751.601.532	47.365.655.871
- Giảm trong năm nay				(320.400.000)		(320.400.000)
- Lãi trong năm nay					10.331.335.507	10.331.335.507
- Thuế TNDN truy thu nộp bổ sung theo BBTĐ thuế năm 2010-2013					(350.564.045)	(350.564.045)
- Phân phối lợi nhuận năm nay		1.043.877.586	521.938.793	288.000.000	(10.583.421.943)	(8.729.605.564)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển		1.043.877.586			(1.043.877.586)	-
+ Trích quỹ dự phòng tài chính			521.938.793		(521.938.793)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.609.693.964)	(2.609.693.964)
+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				288.000.000	(288.000.000)	-
+ Chia cổ tức năm 2013 bằng tiền					(6.119.911.600)	(6.119.911.600)
Số dư cuối năm nay	35.999.480.000	8.357.505.017	2.790.485.701	-	1.148.951.051	48.296.421.769

<i>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	31/12/2014 VND	%	01/01/2014 VND	%
- Vốn góp của Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	9.360.000.000	26%	9.360.000.000	26%
- Vốn góp của các đối tượng khác	26.639.480.000	74%	26.639.480.000	74%
Cộng	35.999.480.000	100%	35.999.480.000	100%

<i>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.999.480.000	35.999.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.119.911.600	5.759.916.800

<i>d. Cổ phiếu</i>	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.599.480	3.599.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.599.480	3.599.480
+ Cổ phiếu phổ thông	3.599.480	3.599.480
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.599.480	3.599.480
+ Cổ phiếu phổ thông	3.599.480	3.599.480
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.201.788.279	173.015.296.122
Trong đó		
- Doanh thu bán thành phẩm	149.968.196.006	162.886.953.829
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	233.592.273	10.128.342.293
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	36.127.842	-
Trong đó		
- Giảm giá hàng bán	36.127.842	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.165.660.437	173.015.296.122
Trong đó		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	149.932.068.164	162.886.953.829
- Doanh thu thuần dịch vụ	233.592.273	10.128.342.293
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	119.307.370.069	137.277.035.354
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	194.204.077	6.387.665.775
Cộng	119.501.574.146	143.664.701.129
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	222.891.227	586.871.909
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.930.109	183.303.531
Cộng	258.821.336	770.175.440
6. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp	5.402.915.343	1.978.998.484
- Thu thanh lý tài sản	42.327.273	97.272.727
- Thu hồi phế liệu	255.230.000	277.497.045
- Thu nhập cho thuê nhà xưởng	239.837.729	642.862.344
- Thu nhập khác	90.169.775	409.394.214
Cộng	6.030.480.120	3.406.024.814

7. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản tiền nộp phạt	817.213.726	42.078.034
- Chi phí cho thuê nhà xưởng	72.445.729	208.186.044
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	152.106.666	-
- Chi phí khác	-	110.740.000
Cộng	1.041.766.121	361.004.078

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế. Thuế suất thuế thu nhập năm trước là 25%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.536.226.346	13.464.369.518
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	472.859.285	42.078.034
+ Các khoản điều chỉnh tăng	838.013.726	42.078.034
- Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế, phạt chậm nộp	817.213.726	42.078.034
- Các khoản trích trước	20.800.000	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	365.154.441	-
- Chi phí bị loại theo BTTT thuế 2010 - 2013	365.154.441	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	14.009.085.631	13.506.447.552
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.081.998.839	3.376.611.888
Thuế TNDN nộp bổ sung theo QĐ 195/QĐ-CT-XP ngày 20/1/2014	122.892.000	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	3.204.890.839	3.376.611.888

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.331.335.507	10.087.757.630
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	10.331.335.507	10.087.757.630
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.599.480	3.599.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.870	2.803



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.567.593.650	83.427.528.887
- Chi phí nhân công	42.017.141.664	43.680.062.255
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.456.047.888	5.844.769.049
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.446.498.317	17.187.777.496
- Chi phí khác bằng tiền	7.502.553.642	5.795.036.628
Cộng	141.989.835.161	155.935.174.315

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Sabeco	Công ty liên kết	Chi trả cổ tức	1.591.200.000

Cho đến ngày 31/12/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Sabeco	Công ty liên kết	Chi trả cổ tức	(1.591.200.000)

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.862.306.055	2.771.017.982

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.688.859.766	5.828.730.350	10.688.859.766	5.828.730.350
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.473.363.254	51.196.801.500	48.473.363.254	51.196.801.500
Cộng	59.162.223.020	57.025.531.850	59.162.223.020	57.025.531.850
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	17.120.054.320	13.972.136.425	17.120.054.320	13.972.136.425
Chi phí phải trả	20.800.000	-	20.800.000	-
Cộng	17.140.854.320	13.972.136.425	17.140.854.320	13.972.136.425

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 và 31/12/2014.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	11.433.656.034	5.707.198.286	17.140.854.320
Phải trả người bán	4.879.569.083	-	4.879.569.083
Phải trả khác	6.533.286.951	5.707.198.286	12.240.485.237
Chi phí phải trả	20.800.000	-	20.800.000
Số đầu năm	5.468.473.984	8.503.662.441	13.972.136.425
Phải trả người bán	4.424.335.094	-	4.424.335.094
Phải trả khác	1.044.138.890	8.503.662.441	9.547.801.331

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

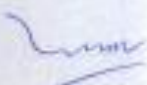
Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quý

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung

3504-C
CÔNG TY
HỮU HỮU
HỮU TƯ VÀ
HỮU KẾ TOÁN
HỮU KIỂM TOÁN
HỮU VIỆT
HỮU HỒ CHÍ MINH



CTCP XÂY LẬP VÀ CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

